

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-39
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-39



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG TY

Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam theo Quyết định số 3075/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 15/10/2007 và Quyết định số 1703/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 09/06/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100103175 ngày 16/06/2008 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 12/12/2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Cường	Chủ tịch	(Bổ nhiệm từ ngày 24/06/2024)
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Chủ tịch	(Từ nhiệm từ ngày 24/06/2024)
Ông Lý Thái Hải	Thành viên	
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Thành viên	
Ông Phạm Văn Tứ	Thành viên	
Ông Nguyễn Ngọc Phú	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Văn Chính	Tổng Giám đốc	
Ông Võ Văn Lung	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Văn Tứ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đinh Mai Hiền	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm từ ngày 05/03/2025)
Ông Nguyễn Chí Trường	Phó Tổng Giám đốc	(Từ nhiệm từ ngày 01/07/2024)
Ông Đỗ Ngọc Cương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hữu Cường	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trương Kiều Minh	Trưởng ban	
Bà Phí Minh Trang	Thành viên	(Bổ nhiệm từ ngày 24/06/2024)
Bà Phạm Thúy Quỳnh	Thành viên	(Từ nhiệm từ ngày 24/06/2024)
Ông Ngô Thế Tráng	Thành viên	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính riêng này là Ông Vũ Văn Chính – Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Vũ Văn Chinh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP được lập ngày 31 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi vẫn chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến việc đánh giá và ước tính chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty tại thời điểm 01/01/2024 và tại thời điểm 31/12/2024. Do đó, chúng tôi chưa xác định được các điều chỉnh cần thiết liên quan đến khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" cũng như những ảnh hưởng (nếu có) đối với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty.

2. Tại ngày 01/01/2024 và ngày 31/12/2024, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ biên bản đối chiếu và xác nhận đối với một số khoản công nợ sau:

<u>Khoản mục</u>	<u>Mã số</u>	<u>Tại ngày 31/12/2024</u>	<u>Tại ngày 01/01/2024</u>
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	13,761 tỷ VND	9,2 tỷ VND
- Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	3,988 tỷ VND	1,5 tỷ VND
- Phải thu khác ngắn hạn	136	7,447 tỷ VND	5,9 tỷ VND
- Phải trả người bán ngắn hạn	311	12,462 tỷ VND	6,5 tỷ VND
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	0,706 tỷ VND	0,347 tỷ VND
- Phải trả khác ngắn hạn	319	3,988 tỷ VND	1,8 tỷ VND

Mặc dù đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán thay thế theo quy định, chúng tôi vẫn không có đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác định tính đầy đủ và hiện hữu của các khoản mục này, cũng như không thể đánh giá được các điều chỉnh cần thiết (nếu có) của các khoản mục nêu trên đối với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024 của Công ty.

3. Tại thời điểm 31/12/2024, chúng tôi chưa thu thập được các bằng chứng kiểm toán đối với đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty về khả năng thu hồi đối với các khoản công nợ phải thu đang được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng năm 2024 của Công ty. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể đánh giá được khả năng thu hồi của các khoản công nợ phải thu của Công ty tại ngày 31/12/2024, do đó chúng tôi không thể xác định được những điều chỉnh cần thiết (nếu có) đối với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Dương Quân Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1686-2023-002-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2024

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liet,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		109.187.729.072	114.361.654.958
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	3.359.529.033	2.676.161.488
111	1. Tiền		3.359.529.033	2.676.161.488
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	3.956.398.184	3.852.063.069
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		3.956.398.184	3.852.063.069
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		54.754.940.418	62.904.757.195
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	35.063.889.667	37.885.844.223
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	4.582.156.005	7.729.077.244
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	15.108.894.746	17.289.835.728
140	IV. Hàng tồn kho	10	46.342.241.072	43.253.333.758
141	1. Hàng tồn kho		46.342.241.072	43.253.333.758
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		774.620.365	1.675.339.448
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	458.434.398	683.099.140
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		93.729.662	808.102.008
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	222.456.305	184.138.300
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		53.781.890.273	48.992.935.619
220	II. Tài sản cố định		44.800.533.160	38.727.551.727
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	44.800.533.160	38.727.551.727
222	- Nguyên giá		73.444.340.181	65.749.454.632
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(28.643.807.021)	(27.021.902.905)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	-	-
228	- Nguyên giá		326.820.000	326.820.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(326.820.000)	(326.820.000)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	756.516.650
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	756.516.650
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	7.951.958.799	8.341.723.669
251	1. Đầu tư vào công ty con		4.696.000.000	4.696.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		2.050.000.000	2.050.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.595.723.669	1.595.723.669
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(389.764.870)	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.029.398.314	1.167.143.573
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	1.029.398.314	1.167.143.573
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		162.969.619.345	163.354.590.577

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		95.027.256.261	96.022.114.940
310	I. Nợ ngắn hạn		83.029.436.833	82.647.463.031
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	30.173.708.727	27.481.094.871
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	6.732.531.015	7.628.721.818
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	2.599.561.321	624.812.591
314	4. Phải trả người lao động		1.596.556.710	1.324.069.920
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	2.059.694.738	24.837.507
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	13.472.622.215	10.805.857.346
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	26.298.944.124	34.617.004.092
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		95.817.983	141.064.886
330	II. Nợ dài hạn		11.997.819.428	13.374.651.909
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	16	1.437.000.000	1.437.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	10.560.819.428	11.937.651.909
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		67.942.363.084	67.332.475.637
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	67.942.363.084	67.332.475.637
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		44.000.000.000	44.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		44.000.000.000	44.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		18.995.748.115	18.995.748.115
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.946.614.969	4.336.727.522
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		4.336.727.522	3.772.402.534
421b	LNST chưa phân phối năm nay		609.887.447	564.324.988
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		162.969.619.345	163.354.590.577

Nguyễn Thị Tú
Người lập

Nguyễn Thị Tú
Kế toán trưởng

Vũ Văn Chinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Năm 2024

Vũ Văn Chính
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		790.200.669	686.301.449
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2.171.605.989	1.453.096.087
03	- Các khoản dự phòng		389.764.870	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.048.535.102)	(502.368.524)
06	- Chi phí lãi vay		3.790.799.906	2.314.620.797
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		5.093.836.332	3.951.649.809
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		8.825.871.118	(6.860.097.768)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(3.088.907.314)	(8.033.899.894)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		270.258.929	(5.838.686.867)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		362.410.001	(2.144.485.895)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(2.181.649.181)	(2.407.927.992)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(125.594.061)	(696.344.772)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(45.246.903)	(487.554.499)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		9.110.978.921	(22.517.347.878)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(941.407.394)	(15.461.796.259)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		364.488.418	144.063.636
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(3.956.398.184)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		3.852.063.069	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(510.000.000)
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.948.535.164	364.315.746
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.267.281.073	(15.463.416.877)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		17.177.398.454	41.639.127.274
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(26.872.290.903)	(13.840.744.853)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(1.125.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(9.694.892.449)	27.797.257.421

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		683.367.545	(10.183.507.334)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.676.161.488	12.859.668.822
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	3.359.529.033	2.676.161.488


Nguyễn Thị Tú
Người lập


Nguyễn Thị Tú
Kế toán trưởng


Vũ Văn Chính
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2024

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam theo Quyết định số 3075/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 15/10/2007 và Quyết định số 1703/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 09/06/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100103175 ngày 16/06/2008 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 12/12/2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 44.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 44.000.000.000 VND; tương đương 4.400.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 110 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 126 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Tư vấn, khảo sát, thiết kế các công trình xây dựng, thủy lợi.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- In đồ án thiết kế, các tài liệu chuyên môn nghiệp vụ, tạp chí, sách báo theo quy định và giấy phép của cơ quan có thẩm quyền; Xuất nhập khẩu, làm đại lý, dịch vụ, thương mại máy móc, thiết bị, vật tư in và tư vấn về in;
- Thí nghiệm đất, đá, nước, nền, móng, vật liệu, kết cấu xây dựng phục vụ thiết kế, kiểm tra chất lượng công trình, kiểm định chất lượng xây dựng, xác định nguyên nhân sự cố công trình;
- Xây dựng thực nghiệm các công trình thuộc đề tài nghiên cứu chuyển giao công nghệ: khoan, phụt, xử lý nền và thân công trình, sửa chữa xe, máy chuyên dùng và gia công cơ khí;
- Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường các dự án thủy lợi, thủy điện;
- Chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học - kỹ thuật, công nghệ mới vào thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện;
- Quản lý dự án, đầu tư và xây dựng công trình;
- Tham gia đào tạo bồi dưỡng các chức danh tư vấn xây dựng (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Thẩm định dự án đầu tư, thẩm định thiết kế, thẩm định dự toán công trình (hoạt động theo chứng chỉ hành nghề);
- Tư vấn về lập dự án đầu tư, thiết kế, đấu thầu (không bao gồm xác định giá gói thầu và giá hợp đồng trong Xây dựng) và hợp đồng kinh tế trong xây dựng (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính).

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liet,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Do ảnh hưởng của tình hình kinh tế và sự sụt giảm nguồn vốn giải ngân của Nhà nước cho các công trình thủy lợi dẫn đến doanh thu của Công ty năm nay giảm 23% so với năm trước. Ngoài ra, trong năm nay việc thay đổi cơ cấu nhân sự cũng ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên Ban Tổng giám đốc Công ty nhận định, việc triển khai các công trình thủy lợi theo quy hoạch của Nhà nước sẽ có tác động tích cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Tư vấn 11 - Chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội (HEC 11)	Tư vấn, khảo sát, thiết kế	Tầng 3, tòa nhà số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liet, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Công ty Tư vấn 12 - Chi nhánh Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP tại Hà Nội (HEC 12) (*)	Tư vấn, khảo sát, thiết kế	Tầng 6, tòa nhà số 2, Ngõ 95 phố Chùa Bộc, phường Trung Liet, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Công ty Tư vấn số 12 - Chi nhánh Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP tại Hà Nội (HEC 12) (**)	Tư vấn, khảo sát, thiết kế	Tầng 6, tòa nhà số 2, Ngõ 95 phố Chùa Bộc, phường Trung Liet, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Công ty Tư vấn Địa kỹ thuật - Chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội (HEC 14)	Tư vấn, khảo sát, thiết kế	Số 95/8/116, phố Chùa Bộc, phường Trung Liet, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Công ty Khảo sát và Xây dựng số 15 - (HEC 15)	Tư vấn, khảo sát, thiết kế	Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Chi nhánh Tổng Công ty tại tỉnh Nghệ An (HEC 16)	Tư vấn, khảo sát, thiết kế	Số 100, Mai Hắc Đế, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Công ty In Thủy lợi - Chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội	Dịch vụ in ấn	Số 107, phố Chùa Bộc, phường Trung Liet, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Tổng Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh	Tư vấn, khảo sát, thiết kế	Số 61/33 Bình Giã, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

(*) Chấm dứt hoạt động theo Quyết định số 04/2025/QĐ-HĐQT từ ngày 04/03/2025 của Hội đồng quản trị Công ty.

(**) Thành lập theo Nghị quyết số 40/2024/NQ-HĐQT ngày 29/10/2024 của Hội đồng quản trị Công ty và bắt đầu hoạt động từ ngày 15/11/2024.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty, được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của toàn Công ty.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân bổ chi phí trả trước;
- Phân loại các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Dự phòng đầu tư tài chính.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 1 đến 3 năm.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, số tiền khách hàng trả trước cho công trình thực hiện trong nhiều năm.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.21 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Doanh thu hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn, khảo sát và thiết kế chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty. Mặt khác, toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	1.061.862.943	187.642.162
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.297.666.090	2.488.519.326
	<u>3.359.529.033</u>	<u>2.676.161.488</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	3.956.398.184	-	3.852.063.069	-
	<u>3.956.398.184</u>	<u>-</u>	<u>3.852.063.069</u>	<u>-</u>

(*) Tại ngày 31/12/2024, đầu tư tài nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng có giá trị 3.956.398.184 VND với lãi suất 4,6%/năm được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và được dùng để bảo đảm cho hợp đồng vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	4.696.000.000	(389.764.870)	4.696.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi 3	1.679.000.000	-	1.679.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	2.507.000.000	-	2.507.000.000	-
- Công ty Cổ phần Quản lý và Dịch vụ HEC	510.000.000	(389.764.870)	510.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên kết	2.050.000.000	-	2.050.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	1.050.000.000	-	1.050.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	1.595.723.669	-	1.595.723.669	-
- Công ty Tư vấn Công trình Châu Á - Thái Bình Dương	1.595.723.669	-	1.595.723.669	-
	<u>8.341.723.669</u>	<u>(389.764.870)</u>	<u>8.341.723.669</u>	<u>-</u>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư:			
Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con			
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi 3	Khánh Hòa	58,76%	58,76%
- Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	Quảng Ngãi	50,65%	50,65%
- Công ty Cổ phần Quản lý và Dịch vụ HEC	Hà Nội	51,00%	51,00%
Công ty liên doanh, liên kết			
- Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	Ninh Bình	30,00%	30,00%
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	Hà Nội	76,92%	40,00%
Đơn vị khác			
- Công ty Tư vấn Công trình Châu Á - Thái Bình Dương	Hà Nội	18,92%	18,92%
			Tư vấn, khảo sát xây dựng

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
- Ban QLDA đầu tư và xây dựng Thủy lợi 7	2.416.210.000	-	4.411.905.000	-
- Ban QLDA Sông Tích	1.217.413.000	-	1.217.413.000	-
- Ban QLDA Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phú Thọ	720.843.000	-	553.373.200	-
- Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Thanh Hoá	1.549.598.000	-	1.549.598.000	-
- Ban QLDA Đầu tư Xây dựng công trình giao thông TP.Hà Nội	428.627.923	-	428.627.923	-
- Ban QLDA Đầu tư Xây dựng công trình giao thông Quảng Ngãi	1.631.000.000	-	1.631.000.000	-
- Công ty Cổ phần đầu tư Vinacco	260.525.000	-	260.525.000	-
- Phải thu khách hàng khác	26.839.672.744	-	27.833.402.100	-
	35.063.889.667	-	37.885.844.223	-

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liet,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	1.834.863.616	-	1.890.262.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	1.484.598.616	-	1.380.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	-	-	166.262.000	-
- Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	350.265.000	-	344.000.000	-
<i>Bên khác</i>	2.747.292.389	-	5.838.815.244	-
- Công ty cổ phần SSD Việt Nam	-	-	2.236.512.412	-
- Trả trước cho người bán khác	2.747.292.389	-	3.602.302.832	-
	4.582.156.005	-	7.729.077.244	-

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
<i>a.1) Chi tiết theo nội dung</i>				
Phải thu người lao động	5.482.845.334	-	5.385.845.334	-
Tạm ứng	9.034.682.492	-	11.298.059.648	-
Phải thu khác	591.366.920	-	605.930.746	-
	15.108.894.746	-	17.289.835.728	-
<i>a.2) Chi tiết theo đối tượng</i>				
Phải thu đối tượng khác	15.108.894.746	-	17.289.835.728	-
	15.108.894.746	-	17.289.835.728	-

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP
Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	46.641.003.973	8.756.950.004	9.125.460.953	1.226.039.702	65.749.454.632
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	8.509.075.902	-	-	-	8.509.075.902
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(509.011.337)	(305.179.016)	(814.190.353)
Số dư cuối năm	55.150.079.875	8.756.950.004	8.616.449.616	920.860.686	73.444.340.181
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	9.597.026.720	8.381.568.966	8.470.436.546	572.870.673	27.021.902.905
- Khấu hao trong năm	1.671.545.203	124.555.034	250.097.349	125.408.403	2.171.605.989
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(509.011.337)	(40.690.536)	(549.701.873)
Số dư cuối năm	11.268.571.923	8.506.124.000	8.211.522.558	657.588.540	28.643.807.021
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	37.043.977.253	375.381.038	655.024.407	653.169.029	38.727.551.727
Tại ngày cuối năm	43.881.507.952	250.826.004	404.927.058	263.272.146	44.800.533.160

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 16.477.324.140 VND.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tại thời điểm 31/12/2024, tài sản cố định vô hình của Công ty là các loại phần mềm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế là 326.820.000 VND.

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	378.096.964	-	793.521.748	-
Công cụ, dụng cụ	107.738.688	-	115.350.019	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	45.856.405.420	-	42.344.461.991	-
	<u>46.342.241.072</u>	<u>-</u>	<u>43.253.333.758</u>	<u>-</u>

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	458.434.398	656.679.406
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	26.419.734
	<u>458.434.398</u>	<u>683.099.140</u>
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	49.725.977
Công cụ dụng cụ xuất dùng	865.449.107	831.471.531
Chi phí trả trước dài hạn khác	163.949.207	285.946.065
	<u>1.029.398.314</u>	<u>1.167.143.573</u>

12 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<i>Bên khác</i>		
Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 7	2.857.989.000	3.842.989.000
Tổng công ty Tư vấn thiết kế giao thông vận tải - CTCP	1.827.465.000	1.800.000.000
Các khoản người mua trả trước khác	2.047.077.015	1.985.732.818
	<u>6.732.531.015</u>	<u>7.628.721.818</u>

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liet,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	10.602.645.000	10.602.645.000	11.085.166.000	11.085.166.000
- CTCP Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	1.012.572.000	1.012.572.000	1.117.572.000	1.117.572.000
- CTCP Tư vấn Xây dựng Thủy lợi 3	6.519.502.000	6.519.502.000	6.519.502.000	6.519.502.000
- CTCP Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	3.070.571.000	3.070.571.000	3.412.323.000	3.412.323.000
- CTCP Tư vấn đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	-	-	35.769.000	35.769.000
Bên khác	19.571.063.727	19.571.063.727	16.395.928.871	16.395.928.871
- Công ty Tư vấn Xây dựng Điện I	730.500.000	730.500.000	730.500.000	730.500.000
- CTCP Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Thanh Hóa	1.019.219.000	1.019.219.000	1.019.219.000	1.019.219.000
- CTCP Tư vấn Xây dựng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bắc Ninh	2.045.094.000	2.045.094.000	2.045.094.000	2.045.094.000
- TCP Tư vấn Đầu Tư Xây dựng và Phát triển Nông thôn	-	-	213.234.000	213.234.000
- CTCP Lahills Hòa Bình - thiết kế kiến trúc	3.800.000.000	3.800.000.000	3.800.000.000	3.800.000.000
- CTCP Phát triển công nghệ trắc địa	-	-	1.652.345.000	1.652.345.000
- CTCP SSD Việt Nam	2.296.077.516	2.296.077.516	-	-
- Phải trả nhà cung cấp khác	9.680.173.211	9.680.173.211	6.935.536.871	6.935.536.871
	30.173.708.727	30.173.708.727	27.481.094.871	27.481.094.871

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt,
quận Đống Đa, thành phố Hà NộiBáo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	1.633.988.232	24.837.507
- Chi phí sửa chữa văn phòng	425.706.506	-
	2.059.694.738	24.837.507

16 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Doanh thu giám sát tác giả	1.437.000.000	1.437.000.000
	1.437.000.000	1.437.000.000

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi tiết theo nội dung		
- Kinh phí công đoàn	2.587.089.438	2.730.395.638
- Bảo hiểm xã hội	1.152.637.650	10.235.592
- Bảo hiểm y tế	336.890.011	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	164.641.360	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.074.950.937	1.074.950.937
- Phải trả Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công trình thủy lợi Bình Thuận	638.199.355	638.199.355
- Phải trả tiền bảo hiểm các công trình	-	73.274.000
- Các khoản tiền phải trả cán bộ nhân viên	2.985.923.329	3.633.581.553
- Phải trả Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP	468.411.300	468.411.300
- Phải trả người lao động về trợ cấp thôi việc	1.469.487.333	1.508.862.333
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.594.391.502	667.946.638
	13.472.622.215	10.805.857.346
Chi tiết theo đối tượng		
Bên khác		
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công trình thủy lợi Bình Thuận	638.199.355	638.199.355
- Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP	468.411.300	468.411.300
- Bảo hiểm xã hội quận Đống Đa	1.654.169.020	-
- Phải trả các đối tượng khác	10.711.842.540	9.699.246.691
	13.472.622.215	10.805.857.346

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liet, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

18 . VAY		01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
a)	Vay ngắn hạn						
	Vay ngắn hạn	33.052.389.744	33.052.389.744	16.736.088.454	24.629.534.074	25.158.944.124	25.158.944.124
	- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội ⁽¹⁾	5.659.865.729	5.659.865.729	7.159.233.712	6.208.429.218	6.610.670.223	6.610.670.223
	- Vay cá nhân ⁽²⁾	16.912.173.321	16.912.173.321	6.870.000.000	5.233.899.420	18.548.273.901	18.548.273.901
	- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	10.480.350.694	10.480.350.694	2.706.854.742	13.187.205.436	-	-
	Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	1.564.614.348	1.564.614.348	1.140.000.000	1.564.614.348	1.140.000.000	1.140.000.000
	- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân ⁽³⁾	1.564.614.348	1.564.614.348	1.140.000.000	1.564.614.348	1.140.000.000	1.140.000.000
		34.617.004.092	34.617.004.092	17.876.088.454	26.194.148.422	26.298.944.124	26.298.944.124
b)	Vay dài hạn						
	- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân ⁽³⁾	13.502.266.257	13.502.266.257	441.310.000	2.242.756.829	11.700.819.428	11.700.819.428
		13.502.266.257	13.502.266.257	441.310.000	2.242.756.829	11.700.819.428	11.700.819.428
	Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(1.564.614.348)	(1.564.614.348)	(1.140.000.000)	(1.564.614.348)	(1.140.000.000)	(1.140.000.000)
	Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	11.937.651.909	11.937.651.909			10.560.819.428	10.560.819.428

30011

CÔNG

KHÁCH

HÀNG

29

TOÁN

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Hợp đồng tín dụng số 01/2022/CTD/VCBHN-TVTL ngày 23/11/2022, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 20 tỷ VND;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng, đến thời điểm hiện tại đơn vị đang thực hiện ký lại hợp đồng do thay đổi hạn mức;
- + Lãi suất cho vay: Theo từng giấy nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 6.610.670.223 VND;
- + Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng vay vốn.

(2) Các khoản vay cá nhân, người lao động và công đoàn Công ty với lãi suất từ 5,5%/năm đến 12%/năm, theo hình thức tín chấp với thời hạn vay từ 03 tháng đến 12 tháng, số dư vay tại thời điểm 31/12/2024 là: 18.548.073.901 VND.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(3) Hợp đồng tín dụng số 02/2022/11120466/HĐTD ngày 28/12/2022, giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Thanh Xuân và Công ty với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 20 tỷ VND;
- + Mục đích vay: Sửa chữa trụ sở văn phòng Tổng Công ty tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP;
- + Thời hạn của hợp đồng: 72 tháng;
- + Lãi suất cho vay: 10,9%/năm cố định trong 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên và sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo thông báo lãi suất của ngân hàng;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 11.700.819.428 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 1.140.000.000 VND;
- + Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng tài sản của bên thứ ba theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2022/11120466/HĐBĐ ngày 05/02/2022 với bên cho vay vốn.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP
Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	44.000.000.000	18.995.748.115	3.772.402.534	66.768.150.649
Lãi trong năm trước	-	-	564.324.988	564.324.988
Số dư cuối năm trước	44.000.000.000	18.995.748.115	4.336.727.522	67.332.475.637
Số dư đầu năm nay	44.000.000.000	18.995.748.115	4.336.727.522	67.332.475.637
Lãi trong năm nay	-	-	609.887.447	609.887.447
Số dư cuối năm nay	44.000.000.000	18.995.748.115	4.946.614.969	67.942.363.084

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND		VND	
Nguyễn Hoàng Linh	14.410.000.000	32,75%	14.410.000.000	32,75%
Các cổ đông khác	29.590.000.000	67,25%	29.590.000.000	67,25%
	44.000.000.000	100%	44.000.000.000	100%

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liet,
quận Đống Đa, thành phố Hà NộiBáo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	44.000.000.000	44.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	44.000.000.000	44.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	1.074.950.937	1.076.075.937
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	-	(1.125.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	(1.125.000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	1.074.950.937	1.074.950.937

d) Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.400.000	4.400.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	4.400.000	4.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.400.000	4.400.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.400.000	4.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.400.000	4.400.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	18.995.748.115	18.995.748.115
	18.995.748.115	18.995.748.115

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Cam kết thuê hoạt động**

- Công ty ký hợp đồng thuê đất tại số 02, ngõ 95 phố Chùa Bộc, quận Đống Đa, Hà Nội để sử dụng với mục đích xây dựng làm trụ sở làm việc của Tổng công ty và Công ty In Thủy lợi từ năm 2007 đến năm 2057. Diện tích khu đất thuê là 2.060 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Công ty ký hợp đồng thuê đất tại thửa đất số 71, thuộc thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên để sử dụng với mục đích xây dựng kho lưu giữ thiết bị, vật tư phục vụ công tác khảo sát và thăm dò địa chất các công trình thủy lợi và dịch vụ sản xuất từ năm 1993 đến năm 2042. Diện tích khu đất thuê là 4.359 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Công ty ký hợp đồng thuê đất tại số 52 Đống Đa, phường Tân Lập, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa để sử dụng với mục đích làm văn phòng từ năm 2009 đến năm 2029. Diện tích khu đất thuê là 507 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt,
quận Đống Đa, thành phố Hà NộiBáo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

- Công ty ký hợp đồng thuê đất tại số 100 Mai Hắc Đế, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An để sử dụng với mục đích xây dựng trụ sở làm việc từ năm 2005 đến năm 2025. Diện tích khu đất thuê là 4.606,7 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Công ty ký hợp đồng thuê đất số 279/HĐ - TĐ ngày 14 tháng 04 năm 2004 tại xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, Bắc Ninh để sử dụng với mục đích xây dựng trụ sở làm việc. Thời hạn thuê đất 50 năm tính từ ngày 01/01/1997. Diện tích khu đất thuê là 2.905 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Cơ khí	1.805.235.869	1.805.235.869
Công ty Cổ phần Licogi 17	637.500.000	637.500.000

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	41.812.063.891	54.392.327.501
	<u>41.812.063.891</u>	<u>54.392.327.501</u>

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	24.088.685.394	35.475.779.754
	<u>24.088.685.394</u>	<u>35.475.779.754</u>

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan

Tổng giá trị mua vào:	<u>40.495.370</u>	<u>2.664.403.000</u>
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)		

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	248.816.164	204.315.746
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.699.719.000	160.000.000
	<u>1.948.535.164</u>	<u>364.315.746</u>

Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính từ các bên liên quan	<u>574.290.000</u>	<u>160.000.000</u>
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)		

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.790.799.906	2.314.620.797
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	389.764.870	-
Chi phí tài chính khác	-	1.506.172
	4.180.564.776	2.316.126.969

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	238.718.837	737.822.466
Chi phí nhân công	5.184.710.062	5.500.397.829
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.803.014.929	904.030.633
Thuế, phí, lệ phí	2.262.306.969	2.893.565.584
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.832.462.328	3.300.053.386
Chi phí khác bằng tiền	2.996.946.142	3.354.016.445
	14.318.159.267	16.689.886.343

26 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	99.999.938	138.052.778
Thanh lý công cụ dụng cụ	218.293.886	-
Tiền cho thuê văn phòng, thuê tài sản trên đất	-	128.127.349
Thu nhập khác	5.202	458.865.312
	318.299.026	725.045.439

27 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá trị còn lại của vật tư công cụ	244.599.267	-
Các khoản bị phạt	80.296.029	83.447.257
Chi phí khác	376.392.679	230.146.914
	701.287.975	313.594.171

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	790.200.669	686.301.449
Các khoản điều chỉnh tăng	1.811.084.440	83.580.857
- Chi phí không hợp lệ	86.318.338	83.580.857
- Chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	1.724.766.102	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.699.719.000)	(160.000.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(1.699.719.000)	(160.000.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	901.566.109	609.882.306
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	180.313.222	121.976.461
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	63.532.093	637.900.404
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(125.594.061)	(696.344.772)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	118.251.254	63.532.093

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.625.771.752	9.079.182.064
Chi phí nhân công	20.486.328.388	23.064.725.340
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.171.605.989	1.453.096.087
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.586.312.143	7.845.075.860
Chi phí khác bằng tiền	5.862.079.620	19.873.328.271
	41.732.097.892	61.315.407.622

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2024				
Tiền	2.297.666.090	-	-	2.297.666.090
Phải thu khách hàng, phải thu khác	50.172.784.413	-	-	50.172.784.413
Các khoản cho vay	3.956.398.184	-	-	3.956.398.184
	<u>56.426.848.687</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>56.426.848.687</u>
Tại ngày 01/01/2024				
Tiền	2.488.519.326	-	-	2.488.519.326
Phải thu khách hàng, phải thu khác	55.175.679.951	-	-	55.175.679.951
Các khoản cho vay	3.852.063.069	-	-	3.852.063.069
	<u>61.516.262.346</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>61.516.262.346</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liet,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2024				
Vay và nợ	26.298.944.124	10.560.819.428	-	36.859.763.552
Phải trả người bán, phải trả khác	43.646.330.942	-	-	43.646.330.942
Chi phí phải trả	2.059.694.738	-	-	2.059.694.738
	<u>72.004.969.804</u>	<u>10.560.819.428</u>	<u>-</u>	<u>82.565.789.232</u>
Tại ngày 01/01/2024				
Vay và nợ	34.617.004.092	11.937.651.909	-	46.554.656.001
Phải trả người bán, phải trả khác	38.286.952.217	-	-	38.286.952.217
Chi phí phải trả	24.837.507	-	-	24.837.507
	<u>72.928.793.816</u>	<u>11.937.651.909</u>	<u>-</u>	<u>84.866.445.725</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ		125.601.974	2.664.403.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi 3	Công ty con	-	1.617.758.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	Công ty con	-	862.525.000
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	Công ty liên kết	40.495.370	184.120.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Dịch vụ HEC	Công ty con	85.106.604	-

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	Mối quan hệ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Cổ tức nhận được		574.290.000	160.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	Công ty liên kết	105.000.000	105.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi 3	Công ty con	293.800.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	Công ty con	175.490.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	Công ty liên kết	-	55.000.000
Góp vốn		-	510.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Dịch vụ HEC	Công ty con	-	510.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thù lao của Hội đồng Quản Trị, Ban kiểm soát			
Ông Nguyễn Hữu Cường	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 24/06/2024)	-	-
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Chủ tịch HĐQT (Từ nhiệm ngày 24/06/2024)	-	81.000.000
Ông Lý Thái Hải	Thành viên HĐQT	-	48.600.000
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Thành viên HĐQT	-	48.600.000
Ông Phạm Văn Tứ	Thành viên HĐQT	-	13.500.000
Ông Nguyễn Ngọc Phú	Thành viên HĐQT	-	8.100.000
Ông Trương Kiều Minh	Trưởng BKS	-	38.000.000
Bà Phí Minh Trang	Thành viên BKS (Bổ nhiệm ngày 24/06/2024)	-	23.600.000
Bà Phạm Thúy Quỳnh	Thành viên BKS (Từ nhiệm ngày 24/06/2024)	-	24.000.000
Ông Ngô Thế Tráng	Thành viên BKS	-	23.600.000
Thu nhập của HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát			
Ông Nguyễn Hữu Cường	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 24/06/2024)	10.000.000	-
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Chủ tịch HĐQT (Từ nhiệm ngày 24/06/2024)	10.000.000	-
Ông Lý Thái Hải	Chủ tịch HĐQT	10.500.000	16.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Thành viên HĐQT	-	2.000.000
Ông Phạm Văn Tứ	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	64.819.111	42.596.000
Ông Vũ Văn Chính	Tổng Giám đốc	560.083.333	351.210.000
Ông Võ Văn Lung	Phó Tổng Giám đốc	30.570.000	548.981.601
Ông Đỗ Ngọc Cương	Phó Tổng Giám đốc	116.666.667	160.500.000
Ông Nguyễn Chí Trường	Phó Tổng Giám đốc (Từ nhiệm ngày 01/07/2024)	202.550.000	291.560.000

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	Mối quan hệ	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
Ông Nguyễn Hữu Cường	Phó Tổng Giám đốc	102.800.000	2.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Phú	Thành viên HĐQT	96.800.000	-
Ông Trương Kiều Minh	Trưởng BKS	-	-
Bà Phí Minh Trang	Thành viên BKS (Bỏ nhiệm ngày 24/06/2024)	-	-
Bà Phạm Thúy Quỳnh	Thành viên BKS (Từ nhiệm ngày 24/06/2024)	-	-
Ông Ngô Thế Tráng	Thành viên BKS	-	-

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Nguyễn Thị Tú
Người lập

Nguyễn Thị Tú
Kế toán trưởng

Vũ Văn Chinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025